GrammarTrack

TRUNG CẤP PHIẾU BÀI TẬP PDF

Bài tập câu bị động với động từ khuyết thiếu có đáp án



có đáp án

Câu bị động với can, must, should, may và have to: công thức ngắn, năm bài tập và lỗi người Việt hay mắc, đáp án ở trang cuối. Trình độ B1-B2.

HỌ TÊN

NGÀY

QUY TẮC

Công thức cần nhớ

S + modal + be + V3 (be nguyên thể, không chia; không thêm to sau can, must, should, may).

Dạng	Công thức	Ví dụ
Khẳng định	modal + be + V3	The form must be signed.
Phủ định	modal + not + be + V3	Phones must not be used.
Câu hỏi	Modal + S + be + V3?	Can this bike be repaired?
Have to	have/has/had to be + V3	The room has to be cleaned.
Quá khứ	modal + have been + V3	It should have been sent.

Have to tạo phủ định và câu hỏi bằng do, does, did: *Does it have to be done today?*

1 Điền dạng bị động

Điền dạng bị động của động từ trong ngoặc, giữ nguyên modal đã cho.

1 This watch can _____ in a day. (repair)

2 All bags must _____ at the door. (check)

3 Your password should _____ every few months. (update)

4 The concert may _____ because of the rain. (cancel)

5 These tablets must not _____ with alcohol. (take)

6 The answer can't _____ on the internet. (find)

7 Milk ought to _____ in the fridge. (keep)

2 Chọn đáp án đúng

Khoanh tròn đáp án đúng.

1 The windows _____ every week.

a) must clean b) must being cleaned c) must be cleaned d) must cleaned

2 This word _____ in two ways.

a) can be spelled b) can spelled c) can been spelled d) can be spell

3 _____ this form be signed by a parent?

a) Must b) Does c) Is d) Has

4 The bridge _____ finished by June.

a) has to be b) has be c) must to be d) is can be

5 _____ the tickets have to be paid for today?

a) Do b) Are c) Must d) Have

6 The letter _____ last week, but nobody posted it.

a) should have been sent b) should been sent c) should have sent

3 Chuyển sang câu bị động

Viết lại các câu thành câu bị động. Bỏ người thực hiện nếu không cần thiết.

1 **We can't open this box.**

2 **People should recycle glass bottles.**

3 **The head teacher may cancel the trip.**

4 **They will send you a new password.**

5 **Can someone clean this carpet?**

6 **Someone should have warned us about the storm.**

4 Sửa lỗi người Việt hay mắc

Mỗi câu có một lỗi. Tìm và sửa lại cho đúng.

1 **These mushrooms can eat raw.**

2 **This card must to be filled in by hand.**

3 **The meeting should be postpone.**

4 **This mistake is can be corrected.**

5 **Does this bag can be carried on board?**

6 **The gate must been closed before you leave.**

5 Dịch sang tiếng Anh

Dịch các câu sau sang tiếng Anh, dùng câu bị động với modal.

1 **Chiếc điện thoại này không thể sửa được.**

2 **Bài tập này phải nộp trước thứ Sáu.**

3 **Ban đêm nên đóng cửa sổ.**

4 **Lẽ ra kết quả phải được công bố từ hôm qua.**

QUÉT MÃ ĐỂ TẢI ỨNG DỤNG
Luyện tập trong ứng dụng GrammarTrack
Nhiệm vụ hằng ngày, XP và chuỗi ngày học – có âm thanh và chấm điểm ngay.
Tải về trên App Store
Tải nội dung trên Google Play
Hoặc luyện tập trên website: grammartrack.com/vi/courses/topics/passive-voice

Đáp án

Bài tập câu bị động với động từ khuyết thiếu có đáp án

1

1 be repaired | 2 be checked | 3 be updated | 4 be cancelled | 5 be taken | 6 be found | 7 be kept

2

1 c) must be cleaned | 2 a) can be spelled | 3 a) Must | 4 a) has to be | 5 a) Do | 6 a) should have been sent

3

1. This box can't be opened (cannot be opened).
2. Glass bottles should be recycled.
3. The trip may be cancelled by the head teacher.
4. You will be sent a new password (A new password will be sent to you).
5. Can this carpet be cleaned?
6. We should have been warned about the storm.

4

1. These mushrooms can be eaten raw.
2. This card must be filled in by hand.
3. The meeting should be postponed.
4. This mistake can be corrected.
5. Can this bag be carried on board?
6. The gate must be closed before you leave.

5

1. This phone can't be repaired (cannot be repaired, can't be fixed).
2. This assignment must be handed in before Friday (has to be handed in, must be submitted).
3. The windows should be closed at night (Windows should be closed at night).
4. The results should have been announced yesterday (The results should have been published yesterday).